

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/DS-ST

Ngày: 11/4/2024.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng.
2. Bà Nguyễn Thị Bé Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 354/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐXXST-DS ngày 11/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2024/QĐST-DS ngày 26/3/2024. Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Minh C – Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng N - chi nhánh tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1975 (có mặt).

Chức vụ: Phó Trưởng phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng N - chi nhánh tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1965 (vắng mặt); ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1985 (có mặt); ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1987 (vắng mặt); bà Nguyễn Thị Quyền T, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của Ngân hàng N (A) và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng là ông Nguyễn Thanh P trình bày:

Ngày 29/9/2020, Ông Nguyễn Văn H đại diện gia đình vay tiền tại Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh B (sau đây gọi tắt là A Chi nhánh tỉnh B), theo Hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số: 7100-LAV-202000619 ngày 29/9/2020, số tiền vay: 900.000.000 đồng, số tiền giải ngân: 900.000.000 đồng; mục đích vay: Thanh toán tiền thầu thi công công trình Bơm cát nâng nền, xây hàng rào xung quanh, sửa chữa nhà; thời hạn vay: 96 tháng, kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày đầu tiên Ngân hàng giải ngân cho Khách hàng; phân kỳ trả nợ: định kỳ 03 tháng trả 01 lần; ngày trả nợ cuối cùng là ngày 21/10/2022, lãi suất cho vay: Là lãi suất thả nổi, thay đổi linh hoạt theo lãi suất thị trường và phù hợp với mức lãi suất theo quy định của A. Tổng số tiền mà gia đình ông Nguyễn Văn H còn nợ A Chi nhánh tỉnh Bến Tre, theo Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 11/4/2024 là: 1.036.446.869 đồng, trong đó số tiền gốc là: 820.132.510 đồng, số tiền lãi tạm tính đến ngày 11/4/2024: 216.314.359 đồng (trong đó: tiền lãi trong hạn là 184.547.789 đồng, lãi chậm trả là 11.332.712 đồng và lãi quá hạn gốc là 20.433.858 đồng).

- Tài sản thế chấp cho Hợp đồng tín dụng trên theo 02 Hợp đồng bảo đảm tiền vay như sau:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2020.80.21.0079A/HĐTC ngày 29/9/2020 giữa A Chi nhánh tỉnh B với ông Nguyễn Văn H, cụ thể:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 777449, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 05192 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre cấp ngày 01/7/2014 cho hộ ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị Đ: Thửa đất số 311, tờ bản đồ số 18, địa chỉ thửa đất: ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre; diện tích: 1467,7m²; hình thức sử dụng: Sử dụng riêng: 1467,7m²; mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; thời hạn sử dụng: đến ngày 31/10/2052, nguồn gốc sử dụng đất: Công

nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất; những hạn chế về quyền sử dụng đất: không.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 676934, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01619 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre cấp ngày 01/7/2014 cho hộ ông Nguyễn Văn H: Thửa đất số 314, tờ bản đồ số 18, địa chỉ thửa đất: ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre; diện tích: 2517,3m²; hình thức sử dụng: sử dụng riêng: 2517,3m²; mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm 2217,3m²; đất ở tại nông thôn: 300m²; thời hạn sử dụng: đất trồng cây lâu năm: ngày 31/10/2052, đất ở tại nông thôn: lâu dài; nguồn gốc sử dụng đất: công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất diện tích 300m², công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất diện tích 2217,3m²; những hạn chế về quyền sử dụng đất: không.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2020.80.21.0079B/HĐTC ngày 29/9/2020 giữa A Chi nhánh tỉnh B với ông Nguyễn Văn H, cụ thể: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 425080, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00013 do Ủy ban nhân dân huyện M (nay là huyện M), tỉnh Bến Tre cấp ngày 25/01/2005 cho ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị Đ: thửa đất số: 1866, tờ bản đồ số 3, địa chỉ thửa đất: ấp A, xã A, huyện M (nay là huyện M), tỉnh Bến Tre; diện tích: 2305m²; hình thức sử dụng: sử dụng riêng: 2305m²; mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm; thời hạn sử dụng: đến ngày 03/10/2052; nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, nhận quyền sử dụng đất do chuyển nhượng quyền sử dụng đất; những hạn chế về quyền sử dụng đất: không.

- Quá trình vay vốn của khách hàng vay là ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị Đ (vợ ông H), ông Nguyễn Văn S (con ruột ông H), bà Nguyễn Thị Quyền T (con ruột ông H) đã thanh toán cho A Chi nhánh tỉnh B là 201.048.153 đồng; trong đó: tiền gốc là 79.867.490 đồng, tiền lãi đã thanh toán đến ngày 29/3/2022 là 121.180.663 đồng. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn H đã chết (theo trích lục khai tử ngày 23/10/2020), gia đình ông Nguyễn Văn H để phát sinh nợ quá hạn, vi phạm Hợp đồng tín dụng số 7100-LAV-202000619 ngày 29/9/2020, A Chi nhánh tỉnh B đã tiến hành các biện pháp xử lý để thu hồi nợ vay theo quy định, nhiều lần làm việc với gia đình khách hàng vay để đôn đốc thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không đạt hiệu quả. Vì vậy, nay A Chi nhánh tỉnh B yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Huỳnh Thị Đ (vợ ông H), ông Nguyễn Văn S (con ruột ông H), bà Nguyễn Thị Quyền T (con ruột ông H) vừa là người vay vốn và là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn H là bà Nguyễn Thị Thu B (con ruột ông H), ông Nguyễn Văn L (con ruột ông H) thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay và lãi phát sinh đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 11/4/2024 là: 1.036.446.869 đồng, trong đó số tiền gốc là: 820.132.510 đồng, số tiền lãi tạm tính đến ngày 11/4/2024: 216.314.359 đồng (trong đó: tiền lãi trong hạn là 184.547.789 đồng, lãi chậm trả là 11.332.712 đồng và lãi quá hạn gốc là 20.433.858 đồng). Trường hợp bà Huỳnh Thị Đ, ông Nguyễn

Văn S, bà Nguyễn Thị Quyền T, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T1 Ba không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 2020.80.21.0079A/HĐTC được ký kết ngày 29/9/2020; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 2020.80.21.0079B/HĐTC được ký kết ngày 29/9/2020, để ngân hàng thu hồi nợ.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Huỳnh Thị Đ cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn L (đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày: Bà Đ là vợ của ông Nguyễn Văn H và ông L là con ruột của ông Nguyễn Văn H (ông H đã chết năm 2020). Bà Đ và ông H có 04 người con chung là bà Nguyễn Thị Thu B, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Quyền T; cha mẹ ruột của ông H đã chết. Thời điểm năm 2020 do con trai út nam trong gia đình là ông S nói với bà Đ và ông L và các anh em trong gia đình là vay tiền của ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh B để ông S có vốn kinh doanh mua bán xe và lo tiền thuốc chữa bệnh cho ông H. Do đó, ông H mới thay mặt gia đình vay vốn ngân hàng nhưng toàn bộ số tiền vay ngân hàng đều do ông S giữ toàn bộ để sử dụng cá nhân mà không có giao lại cho anh em khác trong gia đình để lo chữa bệnh cho cha là ông H như ông S đã hứa. Nay nguyên đơn ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh B khởi kiện yêu cầu gia đình bà Đ gồm: bà Đ, bà Thu B, ông L, ông S, bà T phải liên đới hoàn trả số tiền vay tính đến ngày 11/4/2024 là: 1.036.446.869 đồng, trong đó số tiền gốc là: 820.132.510 đồng, số tiền lãi tạm tính đến ngày 11/4/2024: 216.314.359 đồng (trong đó: tiền lãi trong hạn là 184.547.789 đồng, lãi chậm trả là 11.332.712 đồng và lãi quá hạn gốc là 20.433.858 đồng) thì bà Đ và ông L cũng thống nhất số nợ này nhưng hiện tại hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên không có khả năng hoàn trả số nợ này. Do đó, bà Đ và ông L đồng ý để ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đã thế chấp cho ngân hàng theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để ngân hàng thu hồi nợ. Hiện nay các thửa đất đã thế chấp cho ngân hàng do bà Đ quản lý, sử dụng.

Các bị đơn gồm bà Nguyễn Thị Thu B (đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan), ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Quyền T: vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; riêng bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xác định thêm quan hệ tranh chấp là “Thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại”.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 280, 299, 317, 319, 357, 463, 466, 468, 470, 615 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N; cụ thể: buộc các bị đơn Bà Huỳnh Thị Đ, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Quyền T, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T1 Ba phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ngân hàng số tiền nợ vay là 1.036.446.869 đồng (tính đến ngày 11/4/2024) và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp bà Huỳnh Thị Đ, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Quyền T, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T1 Ba không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã được ký kết để ngân hàng thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các bị đơn bà Huỳnh Thị Đ, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Quyền T, bà Nguyễn Thị Thu B (đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) vắng mặt tại phiên tòa không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ, ông S, bà T, bà Thu B là phù hợp.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng N và bị đơn bà Huỳnh Thị Đ, ông Nguyễn Văn L đều thống nhất số tiền vay bị đơn còn nợ nguyên đơn là 820.132.510 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, không có tranh chấp nên căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là sự việc có thật. Tuy nhiên các đương sự không thống nhất với nhau về phương thức trả nợ, cụ thể: nguyên đơn yêu cầu bà Huỳnh Thị Đ, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Quyền T, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Thu B liên đới trả 1.036.446.869 đồng (tính đến ngày 11/4/2024) và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết; phía bị đơn bà Huỳnh Thị Đ, ông Nguyễn Văn L cũng thống nhất số nợ này nhưng hiện tại hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên không có khả năng hoàn trả số nợ này. Do đó, bà Đ và ông L đồng ý để ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đã thế chấp cho ngân hàng theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để ngân hàng thu hồi nợ.

[3] Đối với các bị đơn ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Quyền T, bà Nguyễn Thị Thu B đều vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có lời khai. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ: bản sao đơn khởi kiện của N, thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bị đơn ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Quyền T, bà Nguyễn Thị Thu B nhưng ông S, bà T, bà Thu B vẫn vắng mặt không lý do và không có giao nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, cũng như không có giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để phản đối yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: “Hợp đồng tín dụng” và “Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” nêu trên đều đã được công chứng theo quy định pháp luật, đồng thời “Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M, tỉnh Bến Tre ngày 29/9/2020 theo quy định pháp luật; Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H đã chết vào ngày 19/10/2020, sau đó các bị đơn là vợ con ông H, bao gồm: bà Đ, ông S, bà T (theo hợp đồng ủy quyền ngày 29/9/2020) đã vi phạm hợp đồng tín dụng về “Trả nợ gốc, lãi” theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[5] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy: bản thân bà Đ, ông S, bà T đã ủy quyền cho ông H (theo hợp đồng ủy quyền ngày 29/9/2020) là bên vay đã tham gia giao dịch về vay tiền với Ngân hàng N nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền vay (gồm vốn gốc và lãi) của mình là vi phạm hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, buộc bà Đ, ông S, bà T là bên vay và ông L, bà Thu B (những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H) phải liên đới hoàn trả cho ngân hàng số tiền vay là 1.036.446.869 đồng, trong đó số tiền gốc là: 820.132.510 đồng, số tiền lãi tạm tính đến ngày 11/4/2024 là 216.314.359 đồng (trong đó: tiền lãi trong hạn là 184.547.789 đồng, lãi chậm trả là 11.332.712 đồng và lãi quá hạn gốc là 20.433.858 đồng); đồng thời buộc bà Đ, ông S, bà T, ông L, bà T1 Ba phải tiếp tục có nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh của hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng kể từ ngày 12/4/2024 cho đến khi thanh toán xong số nợ cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã giao kết là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 cũng như các hợp đồng ủy quyền ngày 29/9/2020 mà bà Đ, ông S, bà T, ông L, bà Thu B đã ủy quyền cho ông H ký kết các hợp đồng thế chấp tại ngân hàng. Trong đó: ông L, bà T1 Ba có nghĩa vụ trả tiền vay vốn gốc và tiền lãi phát sinh cho ngân hàng nêu trên trong phạm vi di sản do ông H chết để lại.

[6] Trường hợp bà Đ, ông S, bà T, ông L, bà T1 Ba không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho ngân hàng thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã thế chấp để ngân hàng thu hồi nợ, bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số: 311, tờ bản đồ số: 18, diện tích: 1467,7m², địa chỉ thửa đất: ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền ở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BR 777449, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 05192 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre cấp ngày 01/7/2014 cho hộ ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị Đ. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số: 314, tờ bản đồ số: 18, diện tích: 2517,3m², địa chỉ thửa đất: ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền ở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BR 676934, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01619 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre cấp ngày 01/7/2014 cho hộ ông Nguyễn Văn H. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số: 1866, tờ bản đồ số: 3, diện tích: 2305m², địa chỉ thửa đất: ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền ở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát

hành AB 42508, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H0001 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre cấp ngày 25/01/2005 cho ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị Đ.

[7] Xét thấy, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ. Riêng đối với đề nghị Hội đồng xét xử xác định thêm quan hệ tranh chấp là “Thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại” là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử chỉ xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng tín dụng” nên không được chấp nhận phần này.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: buộc bà Đ, ông S, bà T, ông L, bà T1 Ba phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Số tiền án phí mà bà Đ, ông S, bà T, ông L, bà Thu Ba p liên đới chịu là: $36.000.000 \text{ đồng} + 3\% \times 236.446.869 \text{ đồng} = 43.093.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 74 và 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 615 và 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc bà Huỳnh Thị Đ (vợ ông Nguyễn Văn H), ông Nguyễn Văn S (con ông Nguyễn Văn H), bà Nguyễn Thị Quyền T (con ông Nguyễn Văn H), ông Nguyễn Văn L (con ông Nguyễn Văn H), bà Nguyễn Thị Thu B (con ông Nguyễn Văn H) có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền là 1.036.446.869 đồng, trong đó số tiền gốc là: 820.132.510 đồng, số tiền lãi tính đến ngày 11/4/2024 là 216.314.359 đồng (trong đó: tiền lãi trong hạn là 184.547.789 đồng, lãi chậm trả là 11.332.712 đồng và lãi quá hạn gốc là 20.433.858 đồng); đồng thời buộc bà Huỳnh Thị Đ, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Quyền T, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T1 Ba phải tiếp tục có nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng kể từ ngày 12/4/2024 cho đến khi thanh toán xong số nợ cho ngân hàng. Riêng ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Thu B có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền là 1.036.446.869 đồng (tính đến ngày 11/4/2024) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà ông H đã ký kết với ngân hàng kể từ ngày 12/4/2024 cho đến khi thanh toán xong số nợ cho ngân hàng trong phạm vi di sản do ông H chết để lại.

Trường hợp bà Huỳnh Thị Đ, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Quyền T, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T1 Ba không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho ngân hàng nêu trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để ngân

hàng thu hồi nợ, bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số: 311, tờ bản đồ số: 18, diện tích: 1467,7m², địa chỉ thửa đất: ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền ở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BR 777449, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 05192 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre cấp ngày 01/7/2014 cho hộ ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị Đ. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số: 314, tờ bản đồ số: 18, diện tích: 2517,3m², địa chỉ thửa đất: ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền ở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BR 676934, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01619 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre cấp ngày 01/7/2014 cho hộ ông Nguyễn Văn H. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số: 1866, tờ bản đồ số: 3, diện tích: 2305m², địa chỉ thửa đất: ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền ở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành AB 42508, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H0001 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre cấp ngày 25/01/2005 cho ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị Đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: buộc bà Huỳnh Thị Đ, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Quyền T, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T1 Ba phải liên đới nộp án phí là 43.093.000 đồng.

Án phí sung vào công quỹ nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.468.000 đồng theo biên lai thu số 0000826 ngày 21/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Đạt

